

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Thời gian: 01/08/2025 - 31/08/2025

Bộ phận: Phòng Kỹ thuật công nghệ và Môi trường - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Người lập: Nguyễn Thị Thu Chức vụ: Nhân viên giám sát môi trường

**BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI NHÀ GA QUỐC TẾ T2**

Thông số theo QCVN 14:2008//BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)

Bảng thống kê số liệu quan trắc tháng 8 năm 2025

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
Tháng 08/2025										
01/08	262.975.7264	125.927.2249	70.1844	47.4372	21.1359	7.3774	28.6000	43.4361	6.9719	37.3190
02/08	264.099.7571	126.413.9373	61.2464	42.7230	18.2793	7.4003	28.6000	43.3281	6.9896	37.3274
03/08	265.148.6641	126.868.0419	63.8931	45.3922	19.7938	7.3578	28.6000	40.3532	7.0744	37.3696
04/08	266.274.5733	127.357.2816	68.6146	49.6522	21.3568	7.4001	28.6000	44.7195	7.1107	37.3887

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
05/08	267.473.8586	127.868.5901	71.0332	48.2163	20.5690	7.3615	28.6000	48.8153	7.1611	37.4134
06/08	268.539.4783	128.330.7358	59.9385	43.0700	19.0365	7.3688	28.6000	53.8508	7.1160	37.3911
07/08	269.554.6399	128.779.8481	66.4308	48.9643	19.6253	7.3730	28.6000	43.9911	6.8634	37.2639
08/08	-	-	70.0724	48.4851	23.5093	7.4044	28.6000	31.2646	5.1615	36.4141
09/08	-	-	57.8596	39.2485	19.3734	7.3579	28.6000	35.9354	5.1409	36.4035
10/08	273.635.2314	130.260.8457	63.2063	43.4598	21.5882	7.3509	27.2097	49.6156	5.7194	36.6918
11/08	274.749.2584	130.765.5187	67.2251	45.3590	21.9365	7.4820	11.0229	47.8527	6.8038	37.2345
12/08	275.542.2235	131.118.8645	54.0116	42.7120	18.7276	7.5731	17.6800	30.7210	5.8601	36.7763
13/08	276.683.7142	131.641.2003	77.4149	53.3069	24.8186	7.6199	28.6000	61.2049	5.6958	36.6764
14/08	277.927.5188	132.190.4843	67.1426	48.7328	16.6834	7.6898	28.6000	55.1055	7.0019	37.3324
15/08	279.291.3451	132.498.0860	72.0665	58.2071	15.2220	7.9953	28.6000	43.5728	7.0568	37.3603
16/08	280.449.8578	132.976.3928	68.0486	46.1884	20.7951	7.8661	28.6000	30.1657	7.0465	37.3541
17/08	281.580.9915	133.481.1810	65.0496	45.1675	19.7482	7.7900	28.6000	29.0156	7.0680	37.3650
18/08	282.651.8217	133.949.6839	67.5914	47.2183	20.4253	7.7089	28.6000	39.4022	6.9390	37.2996
19/08	283.787.0331	134.434.0468	64.5381	45.3262	19.2810	7.7271	28.7912	35.9623	7.0061	37.3358
20/08	284.847.5092	134.889.2392	64.6712	45.6683	19.3411	7.6248	28.8819	39.7819	7.0909	37.3783
21/08	285.984.3194	135.373.4994	70.3726	46.9182	20.2505	7.6427	28.8865	40.8295	7.1965	37.4319
22/08	287.022.8448	135.840.2516	65.2610	46.3585	19.9040	7.7651	28.9169	46.5399	7.2600	37.4635
23/08	288.640.3657	136.314.8684	66.7644	75.2400	19.1097	7.8038	28.9265	48.0734	7.1047	37.3852

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
24/08	290.446.2202	136.780.4789	65.4903	75.2400	19.1295	7.8468	28.9376	51.2651	7.0216	37.3442
25/08	292.252.1747	137.204.7203	57.6132	75.2400	17.0452	7.6267	28.8823	44.6411	6.7500	37.2083
26/08	294.058.0406	137.632.4587	63.2285	75.2400	17.8738	7.6074	28.8777	35.0118	6.3730	37.0202
27/08	295.863.9425	138.066.0538	65.8626	75.2400	18.8100	7.6466	28.8871	37.9801	6.2846	36.9756
28/08	297.669.8628	138.515.7745	61.1170	75.2400	18.4495	7.7716	28.9188	32.7725	6.0408	36.9793
29/08	299.475.1125	138.938.2717	62.0300	74.5866	17.4093	7.5120	28.9694	33.2213	6.0766	38.6356
30/08	300.779.1914	139.383.5216	64.6795	44.3255	20.7676	7.2243	28.9625	41.2594	6.9332	39.7728
31/08	301.902.8367	139.890.7010	67.8949	48.7941	20.7726	7.1947	28.9477	41.7381	7.1197	39.8053
Trung bình tháng 08	281700.2798	133230.7518	65.5017	53.1277	19.7022	7.5636	27.7645	41.9815	6.6787	37.3909
Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008//B TNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)	2.250 m3/ngày					10	-	100	5-9	-